

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến
Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định
của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2954/STNMT-CCBVMT ngày 21/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 2585/BQLGT-ĐHDA1 ngày 03/11/2022 của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 956/TTr-STNMT ngày 15/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị xã An Nhơn, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQLDA Giao thông tỉnh;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND huyện Vân Canh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TUYỂN ĐƯỜNG KẾT NỐI TỪ QUỐC LỘ 19 ĐẾN KHU CÔNG NGHIỆP,
ĐÔ THỊ VÀ DỊCH VỤ BECAMEX VSIP BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Tuyển đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định.
- Địa điểm thực hiện: thị xã An Nhơn và huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh.
- Địa chỉ liên hệ: 705 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Phạm vi: diện tích 45 ha (không bao gồm hoạt động khai thác đất, đá và vận chuyển đất thừa ra khỏi dự án).
- Quy mô: đầu tư xây dựng tuyến đường theo Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005, đường cấp III, tổng chiều dài tuyến đường $L = 12,945$ km, cụ thể:
 - + Điểm đầu tại ngã tư của nút giao thông giữa Quốc lộ 19 và ĐT.638 thuộc địa phận xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn.
 - + Điểm cuối giáp với đường ĐS10 của Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án

- Phần đường: xây dựng tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định tổng chiều dài tuyến đường $L = 12,945$ km.
- Phần cầu: xây dựng 05 cầu (tại Km 02+963,80; Km 03+341,8; Km 04+643,16; Km 06+465,64; Km 12+808,0).
- Xây dựng 2 nút giao chính: 01 nút giao Km 0+00 giao với QL19 và 01 nút giao Km2+200.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: hệ thống thoát nước ngang, hệ thống thoát nước dọc, hệ thống chiếu sáng.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công của dự án: 04 công trường với tổng diện tích khoảng 12.325 m², bố trí 04 trạm trộn bê tông xi

mãng gồm: 01 trạm công suất 60 m³/h và 03 trạm công suất 50 m³/h, 04 nhà vệ sinh di động.

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 1,718 ha và chuyển đổi mục đích sử dụng rừng phòng hộ với diện tích khoảng 18,34 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thừa phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; nguy cơ gây ngập úng.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án.

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 3,6 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải của trạm trộn bê tông phát sinh với lưu lượng khoảng 2 m³/ngày/công trường. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn thi công

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành

Hoạt động của phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải. Thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Hoạt động của công nhân phục vụ Dự án phát sinh chất thải rắn sinh

hoạt khối lượng khoảng 60 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Đất, đá thừa từ hoạt động đào, đắp phát sinh khoảng 560.111,89 m³, đất bóc hữu cơ phát sinh từ hoạt động chuẩn bị mặt bằng phát sinh với khoảng 13.729,49 m³, betonite phát sinh từ hoạt động thi công cầu phát sinh khoảng 564,76 m³.

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện hữu trong phạm vi dự án phát sinh với khối lượng khoảng 60 m³. Thành phần chủ yếu là xà bần.

- Thục bì do quá trình phát quang phát sinh với khối lượng phát sinh khoảng 01 tấn.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng 21 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy thải, ...

3.3. Tiếng ồn và độ rung

3.3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn thi công

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn và rung chấn có khả năng ảnh hưởng tới khu dân cư lân cận.

3.3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn vận hành

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn có khả năng ảnh hưởng tới một số khu dân cư lân cận.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: bố trí nhà 04 vệ sinh di động tại mỗi công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; khi bề đầy thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải từ trạm trộn: được thu gom về hố lắng tại mỗi công trường (kết cấu 2 ngăn mỗi ngăn 1 m³). Nước sau khi lắng cạn được tái sử dụng để đập bụi và làm ẩm công trường hoặc rửa cốt liệu. Cặn lắng sẽ được xử lý như đối với chất thải thi công.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất. bố trí các rãnh thu gom, nước mưa trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để không gây ngập úng.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày vào các thời điểm 9h00 sáng và 16h00 chiều, cam kết bổ sung nếu vẫn còn phát sinh bụi.

- Phương tiện vận chuyển chở nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín và không để rơi vãi.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Đối với các bãi chứa nguyên vật liệu: sử dụng bạt che chắn xung quanh bãi chứa đảm bảo không cho phát tán bụi ra xung quanh.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 03 thùng thu gom rác 120 lít có nắp đậy kín tại mỗi công trường để thu gom rác và giảm thiểu mùi hôi phát sinh. Định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- Đất bốc phong hóa hữu cơ: được tận dụng đắp vào vị trí xây dựng mái taluy để trồng cỏ.

- Đất, đá thừa: được vận chuyển về 15 bãi trữ dọc tuyến đường để lưu chứa, sau đó tận dụng phục vụ dự án do Ban làm chủ đầu tư.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 02 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải tại mỗi công trường; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 5m² tại mỗi công trường theo đúng quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 – 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công và phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng của Dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.

+ Đầu tuyến tại ngã tư của nút giao thông giữa Quốc lộ 19 và ĐT.638.

+ Khu dân cư Thọ Tân Bắc tại Km 02+764.

- Thông số giám sát: bụi lơ lửng, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

5.2. Giám sát chất lượng nước mặt trong giai đoạn thi công, xây dựng

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.

+ Xây dựng cầu Km 02+963,8.

+ Xây dựng cầu Km 03+341,81.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Nitrat, Phosphat, tổng dầu mỡ, tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Chỉ tiêu so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1).

5.3. Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại: giám sát về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.